TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

2. Bà Trịnh Thúy Cơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai về tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số: 631/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp B1, xã Phước Minh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp B1, xã Phước Minh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-10-2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa chị Lê Thị Cẩm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc A tự nguyện chung sống từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn ngày 24-7-2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh A không phụ giúp chị trong việc gia đình, không tin tưởng nhau về tình cảm, anh A nghi ngờ chị có quan hệ với người khác, các giấy tờ nhà đất và tài sản chung của vợ chồng anh A cũng giữ không đưa cho chị quản lý dẫn đến

vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh A có đánh chị nhiều lần nhưng chị không báo chính quyền địa phương. Chị và anh A sống ly thân từ tháng 08/2019 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Lê Thành Đ, sinh ngày 28/02/1999 và Nguyễn Lê Thành C, sinh ngày 23/6/2002; Cháu Đ đã trưởng thành đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Lê Thành C, sinh ngày 23/6/2002 và không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

Anh đồng ý với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do chị H có quan hệ bất chính với người khác, vợ của người đàn ông đó có đến nhà nhiều lần cảnh cáo chị H, anh cũng bắt gặp chị H nhiều lần qua lại với người đàn ông khác; nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện chị H trả lại cho anh số tiền 250.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng, có nguồn gốc do vợ chồng chuyển nhượng diện tích đất được số tiền 400.000.000 đồng và tiền bán vàng được số tiền 100.000.000 đồng.

Về con chung: Có 2 con chung Nguyễn Lê Thành Đ, sinh ngày 28/02/1999 và Nguyễn Lê Thành C, sinh ngày 23/6/2002; Cháu Đ đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý giao cháu Công cho chị H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con nhưng với điều kiện chị H phải xây dựng nhà ở để con chung có nơi sinh sống.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.
- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị Cẩm H, ghi nhận chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị H, anh A tự nguyện chung sống từ năm 1997, đến ngày 24-7-2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; hôn nhân của anh chị được công nhận từ năm 1997 theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống của chị H và anh A thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, do không tin tưởng nhau về tình cảm vợ chồng và quản lý kinh tế gia đình, do anh A luôn nghi ngờ chị H sống không chung thủy; anh A sống có tư tưởng gia trưởng, độc đoán không quan tâm đến tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, cuộc sống đời thường hàng ngày của chị H. Anh A chỉ quan tâm đến tài sản, nghi nghờ, ghen tuông vô cớ từ đó dẫn đến tình cảm giữa hai người tuy có sống chung một nhà nhưng đã từ lâu không còn tình cảm, tình nghĩa với nhau. Khi sức chịu đựng của chị H không còn nữa thì chị phải thuê nhà trọ để sống ly thân từ tháng 8-2019 cho đến nay. Anh A có yêu cầu đoàn tụ nhưng không vì mục đích còn yêu thương, còn tình nghĩa với chị H mà chỉ vì anh không muốn mang điều tiếng là người chồng đã bị vợ bỏ. Do đó, tại phiên tòa anh A không có thiện chí để đoàn tụ với chị H, hàn gắn tình cảm, để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H, anh A mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định của Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Có 2 con chung Nguyễn Lê Thành Đ, sinh ngày 28/02/1999 và Nguyễn Lê Thành C, sinh ngày 23/6/2002; Cháu Đạt đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

Chị H, anh A thỏa thuận chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Lê Thành C, sinh ngày 23/6/2002, chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Hội đồng xét xử xét đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của chị Lê Thị Cẩm H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm H và anh Nguyễn Ngọc A chấm dứt quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Lê Thành C, sinh ngày 23/6/2002. Ghi nhận chị Lê Thị Cẩm H không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm H phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003852 ngày 04-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- UBND xã đăng ký KH;
- Lưu HS;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

VŨ VĂN KHANH

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết đúng quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Biên bản kết thúc lúc....giờ...phút cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA